

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC BÀU BÀNG
Số: 129/QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế về tiền lương, tiền thưởng và
các chế độ theo hợp đồng lao động

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÀU BÀNG

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức lại các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng và đổi tên Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng thành Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-SYT ngày 13 tháng 03 năm 2026 về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Bàu Bàng trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đối với lao động hợp đồng tại Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2026 thay thế Quyết định số 57/QĐ-TTYT ngày 03 tháng 04 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Bàu Bàng.

Điều 3: Ban giám đốc, Trưởng khoa, phòng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu: VT, TCHC.



Mai Thị Kim Dung

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC
BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quy định tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đối với lao động hợp đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày tháng năm 2026
của TTYT Khu vực Bàu Bàng)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh:

Quy chế trả lương này quy định nguyên tắc, hình thức và phương pháp trả lương cho người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tính chất, đặc thù công việc của đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng, bao gồm cả người lao động trong thời gian thử việc theo hợp đồng lao động.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc và hình thức trả lương

1. Người lao động được trả lương theo vị trí việc làm đã ký hợp đồng, phù hợp với trình độ chuyên môn và nhiệm vụ được giao, trên cơ sở “làm công việc gì hưởng lương theo công việc đó”.

2. Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng áp dụng hình thức trả lương theo tháng. Tiền lương hàng tháng phụ thuộc vào tính chất công việc, số lượng và hiệu quả công việc. Đối với một số vị trí đặc thù theo yêu cầu công tác, có thể áp dụng trả lương theo giờ.

a) Lương ngày công làm việc bình thường:

Tiền lương tháng (gồm lương căn bản và các khoản phụ cấp) chia cho số ngày công thực tế trong tháng (tối đa 26 ngày), nhân với số ngày làm việc thực tế.

b) Lương làm thêm giờ:

Thực hiện theo quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

- Làm thêm vào ngày thường: ít nhất bằng 150% đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm;

- Làm thêm vào ngày nghỉ hằng tuần: ít nhất bằng 200%;
- Làm thêm vào ngày lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương: ít nhất bằng 300% (chưa kể tiền lương của ngày lễ, ngày nghỉ đối với người lao động hưởng lương ngày);
- Làm việc vào ban đêm: được trả thêm ít nhất 30% theo đơn giá tiền lương của công việc làm vào ban ngày;
- Làm thêm giờ vào ban đêm: ngoài tiền lương làm thêm giờ theo quy định trên, còn được trả thêm 20% đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày.

Điều 4. Mức lương

1. Lương cơ bản:

a) Mức lương tối thiểu vùng áp dụng hiện tại theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP, ngày 10/11/2025 Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động. Khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng thì đơn vị sẽ điều chỉnh tương ứng.

b) Phụ cấp qua đào tạo (tính theo % trên mức lương tối thiểu vùng):

- Đại học - sau đại học: 20%
- Cao đẳng: 15%
- Lái xe: 7%
- Hộ lý, Bảo vệ: 0% (nếu có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thì hưởng 5%)

2. Thang bảng lương: (đính kèm theo quy định của đơn vị)

3. Phụ cấp khác

3.1 Phụ cấp trực, ăn:

Chế độ thường trực (trực đêm, ngoài giờ)			
Thường trực (trực đêm, ngoài giờ)			Ăn
Ngày thường	Ngày thứ bảy, chủ nhật	Ngày Lễ, Tết	
185.000	240.500	333.000	40.000

Mức hưởng trên tính theo ngày công thực tế trực của người lao động.

3.2 Được hưởng các phụ cấp khác theo quy định của Pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Mức lương trong thời gian thử việc: hưởng 85% mức lương bậc 1. Riêng đối với người lao động có trình độ Đại học hoặc Sau đại học thì hưởng 100% mức lương bậc 1.

Điều 5. Chế độ nâng lương và thâm niên công tác.

1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng lương, tỷ lệ tăng lương

Người lao động nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong suốt thời gian giữ bậc thì được xét nâng lương như sau:

Chức danh / Vị trí việc làm	Thời gian nâng lương mỗi bậc	Tỷ lệ tăng lương so với mức lương bậc hiện tại
Cao đẳng - Đại học - Sau đại học	3 năm	7,5%
Hộ lý, Tài xế, Bảo vệ - người làm công việc hỗ trợ, phục vụ khác	2 năm	5%

2. Quy trình, thủ tục xét nâng lương.

Thực hiện theo biên bản họp Ban Lãnh đạo và ban hành Quyết định nâng lương cho người lao động hợp đồng.

3. Kéo dài thời gian nâng lương.

Người lao động nghỉ việc không hưởng lương thì thời gian nghỉ việc không hưởng lương không được tính vào thời gian xét nâng lương, phải kéo dài tương ứng với số tháng nghỉ.

4. Trường hợp bị kỷ luật.

- Khiển trách, không hoàn thành nhiệm vụ: kéo dài thời gian xét nâng lương thêm 03 tháng.

- Cảnh cáo: kéo dài thời gian xét nâng lương thêm 06 tháng.

Điều 6. Quy định về các khoản đóng góp và khấu trừ.

1. Bảo hiểm bắt buộc.

Thực hiện theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Trách nhiệm đóng	BHXH	BH TNLD-BNN	BHYT	BHTN	Tổng cộng
Đơn vị đóng	17%	0,5%	3%	1%	21,5%
Người lao động	8%	0%	1,5%	1%	10,5%
Tổng cộng	25%	0,5%	4,5%	2%	32%

Mức đóng bảo hiểm = Tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm x tỷ lệ trích.

2. Kinh phí Công đoàn.

Thực hiện theo quy định của đơn vị.

3. Các chế độ khác.

Các chế độ khác: Người lao động được hưởng các khoản phụ cấp độc hại bằng hiện vật, tăng thu nhập hằng tháng theo quy định.

Riêng đối với người lao động hợp đồng (chuyên môn, tài xế, bảo vệ, hộ lý...) được huy động tham gia công tác thường trực và phòng chống dịch, chế độ được thực hiện như sau:

a) Chế độ thường trực (trực đêm, ngoài giờ): Do người lao động áp dụng mức lương thỏa thuận (lương tối thiểu vùng), khi được cơ quan huy động trực ngoài giờ, trực đêm, đơn vị thực hiện chi trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm theo đúng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị định 192/2026/NĐ-CP và Bộ luật Lao động. Đồng thời, căn cứ vào cơ chế tự chủ tài chính, nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và để đảm bảo thu nhập tương xứng cho người lao động, Trung tâm có chính sách chi hỗ trợ thêm ngoài lương cho các phiên trực. Tổng thu nhập từ ca trực (bao gồm lương làm thêm giờ cộng với khoản hỗ trợ thêm) được cân đối tương đương với mức chi trực của viên chức. Điều kiện và định mức chi hỗ trợ thêm này được quy định chi tiết tại "Quy chế chi tiêu nội bộ" của Trung tâm.

b) Chế độ phòng chống dịch: Trường hợp được cơ quan huy động tham gia trực tiếp vào công tác phòng, chống dịch, người lao động được hưởng chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định tại Điều 5 Nghị định 192/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Trợ cấp thôi việc, thất nghiệp.

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Chế độ đào tạo, khen thưởng, tăng thu nhập, quà tặng lễ Tết và các chế độ khác ngoài lương.

Thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng được thông qua tại Hội nghị đại biểu viên chức hằng năm và áp dụng tương tự theo quy định đang thực hiện tại đơn vị.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quy chế này được áp dụng cho tất cả người lao động theo chế độ hợp đồng lao động tại Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 cho đến khi có Quy chế mới.

Khi quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước thay đổi, có nội dung mới phát sinh hoặc các quy định trong quy chế này không còn phù hợp thì đơn vị sẽ thực hiện theo quy định của Nhà nước hoặc Giám đốc sẽ ban hành Quy chế trả lương mới cho phù hợp tình hình thực tế./.



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THANG BẢNG LƯƠNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Kèm theo Quy chế về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ theo hợp đồng lao động số 29/QĐ-TTYT, ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Y tế Khu vực Bàu Bàng)

Mức lương tối thiểu vùng: 5.310.000 đồng.

STT	Chức danh	Mức lương tối thiểu vùng	% đã qua đào tạo	Thành tiền	Bậc 1	% tăng mỗi bậc	Số tiền tăng	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
1	Đại học - sau đại học	5,310,000	20	6,372,000	6,372,000	7,5	477,900.000	6,849,900.0	7,327,800	7,805,700	8,283,600	8,761,500	9,239,400	9,717,300	10,195,200			
2	Cao đẳng	5,310,000	15	6,106,500	6,106,500	7.5	457,987.500	6,564,487.5	7,022,475.0	7,480,463	7,938,450	8,396,438	8,854,425	9,312,413	9,770,400	10,228,388		
3	Lái xe	5,310,000	7	5,681,700	5,681,700	5	284,085.000	5,965,785.0	6,249,870	6,533,955	6,818,040	7,102,125	7,386,210	7,670,295	7,954,380	8,238,465	8,522,550	8,806,635
4	Hộ lý	5,310,000	-	5,310,000	5,310,000	5	265,500.000	5,575,500.0	5,841,000	6,106,500	6,372,000	6,637,500	6,903,000	7,168,500	7,434,000	7,699,500	7,965,000	8,230,500
5	Bảo vệ	5,310,000	-	5,310,000	5,310,000	5	265,500.000	5,575,500.0	5,841,000	6,106,500	6,372,000	6,637,500	6,903,000	7,168,500	7,434,000	7,699,500	7,965,000	8,230,500
6	Nhân viên phụ vụ	5,310,000	-	5,310,000	5,310,000	5	265,500.000	5,575,500.0	5,841,000	6,106,500	6,372,000	6,637,500	6,903,000	7,168,500	7,434,000	7,699,500	7,965,000	8,230,500